

Bản án: 91/2020/HS-ST
Ngày 24 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Thẩm phán: Ông Vi Văn Chắt

Các Hội Thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Đường

Ông Trần Huy Lợi

Ông Nguyễn Văn Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Viết Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:*
Ông Trần Nhật Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST-HS ngày 10/7/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Thị M**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 20 tháng 8 năm 1992 tại huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; Nơi đăng ký NKTT: Xóm 14, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Phạm Bá Th sinh năm 1969 và bà Phan Thị V sinh năm 1966; đều trú tại, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; có chồng: Chồng thứ nhất Lang Văn Th sinh năm 1987 (Đã ly hôn), chồng thứ hai: Trần Hải Q sinh năm 1988 (Đã ly hôn); có 04 con, lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án,

tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2019 tại Trại tạm giam công an Nghệ An. Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị T**; tên gọi khác: Không; giới tính: Nữ; sinh ngày 16 tháng 12 năm 1999 tại xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký NKTT: Xóm 8, xã Nghi Phú, TP Vinh, Nghệ An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Phi Hòa sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Sáng sinh năm 1962; đều trú tại xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An; chồng: chưa có; có 02 con, lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018 (Hiện đang ở với chồng người Trung Quốc); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2019 tại Trại tạm giam công an Nghệ An. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị M: Bà Phan Thị S ; Luật sư thuộc văn phòng luật sư D - Đoàn luật sư Nghệ An. Có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Võ Thị Thanh M , sinh ngày 12/8/1999; trú tại: Xóm 4, xã Nghi Kim, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/12/1999; trú tại: Xóm 8, xã Nghi Phú, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Chị Hoàng Thị Tr , sinh ngày 25/01/1993; trú tại: Thôn Na Riễn, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

4. Chị Hoàng Thị Tr , sinh ngày 07/10/1996; trú tại: Thôn Na Riễn, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Chị Huống Thị H , sinh ngày 12/9/2003; trú tại: Bản Khồm, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt. *Người đại diện hợp pháp của chị Huống Thị H :* Ông Huống Văn Đ sinh năm 1972 và bà Lương Thị Ng t sinh năm 1982; trú tại: Bản Khồm, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, Nghệ An. Ông Đ , bà Ng đề nghị vắng mặt.

6. Chị Lữ Thị H g, sinh ngày 22/10/1997; trú tại: Bản Dón, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và đại diện theo ủy quyền cho các bị hại: Ông Tạ Ngọc V ; Luật sư thuộc văn phòng luật sư V và Cộng sự - Đoàn luật sư THnh phố H Nội. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Q sinh năm 1971 và ông Võ Sỹ H sinh năm 1966 (Bố mẹ chị Võ Thị Thanh M) Đều trú tại: Xóm 4, xã Nghi Kim, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có đơn đề nghị vắng mặt.

2. Vợ chồng ông Hoàng Doãn T sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị N sinh năm 1970 (Bố mẹ chị Tr, chị Tr). Đều trú tại: Thôn Ná Riền, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Có đơn đề nghị vắng mặt.

3. Vợ chồng ông Nguyễn Phúc H sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị S sinh năm 1962 (Bố mẹ Nguyễn Thị T). Đều trú tại: Xóm 8, xã Nghi Phú, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Ông Hòa, bà Sáng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 29/11/2019, tại khu vực Đền Cuông thuộc địa phận xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, thông qua biện pháp nghiệp vụ, Phòng 5 Cục C02 Bộ Công An và Phòng Cảnh sát Hình sự Công an tỉnh Nghệ An phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/12/1999, trú tại xóm 8, xã Nghi Phú, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đang có Hnh vi đưa Huống Thị H, sinh năm 2003, trú tại bản Khóm, xã Hạnh Dịch và Lữ Thị H, sinh 1997, trú tại bản Dồn, xã Mường Nọc, cùng huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đi sang Trung Quốc để bán cho những người đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Quá trình điều tra, T khai nhận:

Sau khi từ Trung Quốc về Việt Nam với mục đích làm hộ chiếu, Nguyễn Thị T đã thông qua mạng xã hội (Zalo) để tìm phụ nữ có nhu cầu lấy chồng, nhằm mục đích đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền tiêu xài. Ngày 25/11/2019, Huống Thị H nhắn tin làm quen và nói với T đưa đi Trung Quốc để làm việc. T nói: *"Đi sang Trung Quốc làm việc thì được trả lương từ 20 đến 30 triệu một tháng, nếu sang để lấy chồng thì được trả 250 triệu đồng"*. H nói *"Được 300 triệu mới đi"* thì T đồng ý. T hỏi H: *"Có ai muốn đi cùng không"*? H nói: *"Có bạn cũng muốn đi Trung Quốc"*, rồi H cho T số điện thoại của Lữ Thị H. Có số điện thoại của H, T liên lạc và rủ H sang Trung Quốc lấy chồng, T sẽ trả cho H 200 triệu đồng, H đồng ý. Sau khi rủ rê được H và H, T điện thoại và gửi ảnh của H, H cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Lao San khoảng 25 tuổi (người này T quen biết khi ở Trung Quốc). Lao San đồng ý mua H với giá 300 triệu đồng và hứa trả công cho T 50 triệu. T tiếp tục gọi điện cho gia đình chồng của T ở Trung Quốc để tìm người mua H. Khi gia đình chồng của T tìm được người đồng ý mua H với giá 200 triệu đồng và trả công cho T 50 triệu thì ngày 27/11/2019, T nói H, H chụp chứng minh thư để T đưa đi làm hộ chiếu và visa rồi hẹn ngày 29/11/2019, H và H xuống nH T ở tHnh phố Vinh để cùng đi

Trung Quốc. Khoảng 17 giờ ngày 29/11/2019, H và H xuống đến ngã 3 Quán Bánh, xã Nghi Kim, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An, thì T đến đón, đưa về nH. Đến 21 giờ cùng ngày, T đưa H và H lên xe khách biển kiểm soát 12B:003.70 chạy tuyến H Tĩnh - Lạng Sơn để đi Trung Quốc. Khi xe chạy đến khu vực Đền Công, thuộc địa phận xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thì bị phát hiện bắt quả tang.

Nguyễn Thị T còn khai nhận: Khoảng đầu năm 2015, Nguyễn Thị T và Võ Thị Thanh M, sinh ngày 12/8/1999, trú tại: xóm 4, xã Nghi Kim, tHnh phố Vinh, bị Phạm Thị M, sinh năm 1992, trú tại xóm 14, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, Nghệ An và một người đàn ông tên là Q, trú tại tỉnh Bắc Giang lừa bán sang Trung Quốc.

Căn cứ lời khai của T và đơn tố cáo của Võ Thị Thanh M, Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an tỉnh Nghệ An đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thị M. Tại cơ quan điều tra, M khai nhận:

Đầu năm 2015, tại Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Thị M quen một người đàn ông tên là Q, sinh năm 1990, ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Nhưng không biết rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể). M và Q bàn nhau: Q sẽ đi tìm phụ nữ Việt Nam rồi giao cho M đưa sang Trung Quốc, bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ. Mỗi người Q tìm được và giao cho M thì M sẽ trả cho Q 01 vạn Nhân dân Tệ (Đơn vị tiền tệ Trung Quốc - *Viết tắt là NDT*; tương đương 33 triệu Việt Nam đồng - *Viết tắt là VNĐ*). Khoảng đầu tháng 5 năm 2015, thông qua mạng xã hội (Zalo) Q làm quen và biết Võ Thị Thanh M, sinh ngày 12/8/1999, trú tại xóm 4, xã Nghi Kim và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/12/1999, trú tại xóm 8, xã Nghi Phú, tHnh phố Vinh, tỉnh Nghệ An đang tìm việc làm nên Q đã rủ hai người này sang Trung Quốc làm công nhân, lương từ 7 đến 8 triệu một tháng, M và T đồng ý. Sau khi lừa được M và T, Q thông báo và yêu cầu M về Việt Nam để đưa đi Trung Quốc. Khi M đồng ý thì giữa tháng 5/2015, Q vào Nghệ An, gặp M và T rồi đưa hai người này đi ra tHnh phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, Q và M đưa M, T đến nH một người phụ nữ tên là Ly ở chợ Móng Cái, Quảng Ninh (Cũng không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể) và thống nhất, Q giao T cho Ly và giao M cho M để M và Ly đưa M và T vượt biên sang Trung Quốc. Khi đến bến xe Nam Ninh, Trung Quốc, M đưa M về nH chồng của M ở tỉnh H Bắc, Trung Quốc rồi bán cho một người đàn ông tên là Lý M, sinh năm 1987, trú tại tHnh phố Thạch Gia Tr, tỉnh H Bắc với giá 6 vạn NDT (*Tương đương 198 triệu VNĐ*). M trả cho Q 01 vạn NDT và gửi về cho gia đình M 10 triệu VNĐ, số còn lại M tiêu xài hết. Ngày 20/7/2018, Võ Thị Thanh M được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Tổ chức trẻ em Rồng Xanh giải cứu đưa về Việt Nam.

Đối với Nguyễn Thị T: Sau khi bị người phụ nữ tên là Ly đưa đi bán cho một người đàn ông Trung Quốc được một thời gian, thì T bỏ trốn rồi tìm về nH M ở tỉnh H Bắc, Trung Quốc và nói M tìm chồng cho mình. Sau đó, M đã bán T cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Ma Sao Peng, sinh năm 1991 ở tỉnh H Bắc, Trung Quốc với giá 6 vạn NDT (*Tương đương 198 triệu VNĐ*). Ngày 29/11/2019, Nguyễn Thị T về Việt Nam để đưa người đi Trung Quốc bán thì bị bắt quả tang.

Mở rộng điều tra vụ án, Phạm Thị M và Nguyễn Thị T còn khai nhận: Trong thời gian làm việc tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, Nguyễn Thị T quen hai chị em Hoàng Thị Tr , sinh ngày 25/01/1993 và Hoàng Thị Tr , sinh ngày 07/10/1996 (Đều trú tại: thôn Na Riễn, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn). Khoảng tháng 7 năm 2015, thông qua mạng xã hội (Zalo), Tr liên lạc với T để nói chuyện thì được T cho biết: T đã lấy chồng người Trung Quốc, rồi T rủ Tr và Tr sang làm việc cùng với T thì Tr và Tr đồng ý và nói: Cũng muốn sang Trung Quốc lấy chồng như T. Sau đó, T gọi điện cho M nói: "*Có 2 người bạn ở tỉnh Lạng Sơn muốn đi Trung Quốc lấy chồng*". M và T thoả thuận: "*Đưa Tr và Tr sang Trung Quốc bán, sau khi trừ chi phí, số tiền còn lại sẽ chia nhau*". T yêu cầu M từ Trung Quốc về Việt Nam để đón Tr, Tr. Ngày 15/7/2015, theo hướng dẫn của T, Tr và Tr đến tHnh phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh và được M từ Trung Quốc về đón. M đưa 2 chị em Tr, Tr vượt biên về nH chồng của M ở tỉnh H Bắc, Trung Quốc. Do gia đình M không nhất trí cho M bán người nên khi ở được một ngày, M đưa Tr và Tr đến nH chồng của T. M yêu cầu T đưa trước cho M 1 vạn NDT (*tương đương 33 triệu VNĐ*) để M về Việt Nam trước, khi nào bán được Tr, Tr sẽ tính toán sau. Tuy nhiên bố chồng của T chỉ đồng ý đưa cho M 5 ngàn NDT (*Tương đương 17 triệu VNĐ*). M đồng ý nhận tiền và về Việt Nam ở cho đến khi bị bắt.

Tr và Tr sau khi được M đưa đến nH chồng của T, thì bị bố chồng của T bán Tr cho người Trung Quốc lấy làm vợ với giá 7 vạn NDT (*Tương đương 231 triệu VNĐ*) và bán Tr cho một người khác với giá 6 vạn NDT. T gửi về cho gia đình Tr, Tr 30 triệu đồng. Tr và Tr lấy chồng cho đến ngày 15/11/2015 thì rủ nhau bỏ trốn. Tr trốn thoát và được Công an Việt Nam giải cứu. Tr bị bắt lại và phải ở lại nH chồng cho đến ngày 12/4/2016 thì được giải cứu.

Sau khi được giải cứu, Hoàng Thị Tr và Hoàng Thị Tr đã làm đơn tố cáo Hnh vi phạm tội của M và T.

Số tiền thu lợi bất chính do các bị cáo bán các bị hại, các bị cáo đã sử dụng hết nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại như sau:

1. Chị Võ Thị Thanh M yêu cầu bị cáo Phạm Thị M phải bồi thường tổng thiệt hại cho mình là 182.600.000 (*Một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

2. Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Phạm Thị M phải đền bù thiệt hại cho mình là 20.000.000 (*Hai mươi triệu đồng*).

3. Gia đình Nguyễn Thị T yêu cầu Phạm Thị M phải bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Thị T và gia đình là 192.000.000 (*Một trăm chín mươi hai triệu đồng*).

4. Chị Hoàng Thị Tr yêu cầu các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải đền bù thiệt hại cho mình là 91.000.000 (*Chín mươi một triệu đồng*).

5. Chị Hoàng Thị Tr yêu cầu các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải đền bù thiệt hại cho mình là 81.400.000 (*Tám mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*).

6. Cháu Huống Thị H và chị Lữ Thị H không yêu cầu Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại.

Với nội dung trên, Bản cáo trạng số 85/CT/VKS-P2 ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định truy tố các bị cáo:

- Phạm Thị M về các tội "Mua bán người" quy định tại các điểm d, e khoản 2 Điều 119 và "Mua bán trẻ em" quy định tại các điểm đ, e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Nguyễn Thị T về tội "Mua bán người" quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 119; điểm đ, e khoản 2 Điều 120; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Phạm Thị M từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Mua bán người", xử phạt từ 10 năm đến 11 năm tù về tội "Mua bán trẻ em". Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Phạm Thị M phải chịu 15 năm đến 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 04/12/2019.

- Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Mua bán người". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 29/11/2019.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các bị hại, buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các người bị hại theo sự thỏa

thuận về mức bồi thường giữa người đại diện theo ủy quyền của các người bị hại và các bị cáo tại phiên tòa, cụ thể:

1. Bị cáo Phạm Thị M phải bồi thường cho chị Võ Thị Thanh M số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị Tr số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu đồng*).

3. Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho Chị Hoàng Thị Tr số tiền 30.000.000 (*Ba mươi triệu đồng*).

4. Tại phiên tòa, Nguyễn Thị T và vợ chồng ông Hòa, bà Sáng không yêu cầu bị cáo Phạm Thị M phải bồi thường thiệt hại, nên miễn xét.

- Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung công quỹ NH nước 01 (Một) điện thoại Iphone 6S màu vàng hồng, số IMEI: 354969071309148, số thuê bao: 0969064180 thu của Nguyễn Thị T là công cụ phạm tội.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Do các bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị không truy thu đối với các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị M không tranh luận về chứng cứ, tội danh, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải về Hnh vi phạm tội của mình,

Bị cáo Phạm Thị M đồng ý với quan điểm của Luật sư, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý chấp nhận bồi thường cho các bị hại như yêu cầu và thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện theo ủy quyền của các bị hại.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và đại diện theo ủy quyền cho các người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo vì đã nhận thức được sai lầm của mình, khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải. Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận, các bị cáo bồi thường thiệt hại cho các người bị hại theo mức đã thỏa thuận tại phiên tòa.

Bị cáo Nguyễn Thị T không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và đồng ý bồi thường như yêu cầu của các bị hại.

Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng, nuôi các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định và Hành vi tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, Luật sư, bị hại và các bị cáo không có khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T khai nhận Hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ tháng 5 năm 2015 đến tháng 11 năm 2019, Phạm Thị M và Nguyễn Thị T đã nhiều lần đưa phụ nữ Việt Nam sang Trung Quốc bán để thu lợi bất chính với tổng số tiền là 752 triệu đồng, trong đó: Phạm Thị M thu lợi 370.000.000 đồng, Nguyễn Thị T 382.000.000 đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Phạm Thị M và một người đàn ông tên Q ở tỉnh Bắc Giang, bàn bạc, thống nhất với nhau, Q sẽ tìm phụ nữ Việt Nam rồi giao cho M đưa sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau. Đầu tháng 5 năm 2015, Q đưa Võ Thị Thanh M, sinh ngày 12/8/1999, trú tại xóm 4, xã Nghi Kim, và Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/12/1999, trú tại xóm 8, xã Nghi Phú, cùng thành phố Vinh, Nghệ An đi ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, rồi điện thoại cho M (Lúc này đang ở Trung Quốc) về Việt Nam để đưa M và T sang Trung Quốc bán. Sau đó, Q giao M cho M, M trả công cho Q 1 vạn NDT (*Tương đương 33 triệu VNĐ*) M đưa M về tỉnh H Bắc, Trung Quốc, bán cho một người đàn ông tên là Lý M với giá 6 vạn NDT (*Tương đương 198 triệu VNĐ*). M gửi về cho gia đình M 10 triệu đồng, số còn lại M tiêu xài hết.

Nguyễn Thị T sau khi bị Q giao cho người phụ nữ tên Ly đưa đi bán cho một người đàn ông Trung Quốc được một thời gian thì bỏ trốn, rồi tìm về nhà M ở tỉnh H Bắc. Sau đó M đã bán T cho một người đàn ông Trung Quốc tên là Ma Sao Peng với giá 6 vạn NDT (*Tương đương 198 triệu VNĐ*). Tại thời điểm bị bán Võ Thị Thanh M mới 15 tuổi 8 tháng 8 ngày và Nguyễn Thị T mới 15 tuổi 5 tháng 15 ngày.

Vụ thứ hai: Trong thời gian ở Trung Quốc, Nguyễn Thị T và Phạm Thị M bàn bạc, thống nhất tìm phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc bán, trừ chi phí, số tiền còn lại sẽ chia đều cho nhau. Sau khi rủ rê được Hoàng Thị Tr, sinh ngày 25/01/1993 và Hoàng Thị Tr, sinh ngày 07/10/1996, đều trú tại: thôn Na Riễn, xã Tân Lập, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn sang Trung Quốc làm việc thì T gọi

điện và nói M (Đang ở Trung Quốc) về Việt Nam đưa chị Tr và chị Tr sang Trung Quốc để bán. Ngày 15/7/2015, M về tHnh phố Móng Cái đón cả hai người rồi đưa về nH chồng của mình để bán nhưng không bán được, nên M đưa chị Tr, chị Tr về nH chồng của T. M yêu cầu T đưa trước cho M 1 vạn NDT, số còn lại sẽ tính toán sau khi bán được Tr và Tr. Tuy nhiên, gia đình chồng của T chỉ đưa cho M 5 ngàn NDT (*tương đương 17 triệu VNĐ*). Tại nH T, Hoàng Thị Tr bị bán với giá 6 vạn NDT (*Tương đương 198 triệu VNĐ*, Hoàng Thị Tr bị bán với giá 7 vạn NDT (*Tương đương 231 triệu VNĐ*).

Vụ thứ ba: Sau khi Nguyễn Thị T từ Trung Quốc về Việt Nam và làm quen với Huống Thị H, sinh ngày 12/9/2003, trú tại bản Khôm, xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, thì T rủ H: Nếu sang Trung Quốc lấy chồng, T sẽ trả cho H 300 triệu đồng. H Đồng ý. Thông qua H, T tiếp tục rủ rê Lữ Thị H, sinh ngày 22/10/1997, trú tại bản Dồn, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An sang Trung Quốc lấy chồng thì T hứa trả cho H 200 triệu đồng, H cũng đồng ý. Sau khi tìm được mối để bán Huống Thị H với giá 350 triệu đồng và bán H với giá 250 triệu đồng, đến 21 giờ ngày 29/11/2019 T đón H và H tại tHnh phố Vinh rồi đưa lên xe khách biển kiểm soát 12B - 003.70 chạy tuyến H Tĩnh - Lạng Sơn để đưa hai người này đi Trung Quốc bán. Khi xe chạy đến địa phận xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An thì bị công an tỉnh Nghệ An phát hiện bắt quả tang.

Các Hnh vi nêu trên của bị cáo Phạm Thị M đã phạm vào tội “Mua bán người”, quy định tại điểm đ, e khoản 2 Điều 119 và tội “Mua bán trẻ em” quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 120 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Các Hnh vi của bị cáo Nguyễn Thị T đã phạm vào tội “Mua bán người”, quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét tính chất, vai trò Hnh vi phạm tội của các bị cáo: Hnh vi phạm tội của các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Phạm Thị M phạm tội đặc biệt nghiêm Tr và phạm hai tội mua bán người và mua bán trẻ em; bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội rất nghiêm Tr. Hnh vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người được pháp luật bảo vệ, đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, gây dư luận, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo nhận thức được việc đưa các bị hại là những phụ nữ bán cho người Trung Quốc làm vợ là vi phạm pháp luật hình sự, vi phạm truyền thống đạo lý trong quan hệ hôn nhân gia đình của người Việt Nam. Nhưng chỉ vì hám lợi mà các bị cáo cố tình thực hiện Hnh vi phạm tội. Vì vậy cần phải áp dụng

hình phạt nghiêm minh phù hợp với Hình vi phạm tội của các bị cáo nhằm trừng trị và cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích đồng thời răn đe, cảnh báo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Thị M có vai trò chính trong vụ án và phạm nhiều tội. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị M thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về Hình vi phạm tội của mình. Hơn nữa, những người bị hại cũng có ý thức được sang Trung Quốc lấy chồng làm ăn và hiện tại bị cáo đang có con nhỏ mới hơn 01 tuổi. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, tháng 7 năm 2015 có Hình vi “Mua bán người”, đến tháng 11/2019 tiếp tục phạm tội. Hình vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T diễn ra từ tháng 7 năm 2015 cho đến tháng 11/2019 tiếp tục phạm tội thì bị phát hiện bắt giữ. Do đó bị cáo Nguyễn Thị T bị truy tố, xét xử về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về Hình vi phạm tội của mình. Hơn nữa, tại thời điểm phạm tội tháng 7/2015 bị cáo chưa đủ 18 tuổi và những người bị hại cũng có ý thức được sang Trung Quốc lấy chồng làm ăn và hiện tại bị cáo đang có 02 con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những đánh giá, phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo như mức đề nghị của Kiểm sát viên đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo sớm trở về hòa nhập cộng đồng và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận, ngoài số tiền các bị cáo đã gửi cho các gia đình bị hại, số còn lại các bị cáo đã tiêu xài hết. Do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các người bị hại theo yêu cầu là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp và là người đại diện theo ủy quyền của các người bị

hại chị Võ Thị Thanh M, chị Hoàng Thị Tr và chị Hoàng Thị Tr đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận với các bị cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại, cụ thể:

Bị cáo Phạm Thị M bồi thường tổng thiệt hại cho chị Võ Thị Thanh M 50.000.000 (*Năm mươi triệu đồng*).

Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị Tr là 30.000.000 (*Ba mươi triệu đồng*). Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Tr 15.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị Tr là 30.000.000 (*Ba mươi triệu đồng*). Mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Tr 15.000.000 đồng.

Chị Huống Thị H và chị Lữ Thị H không yêu cầu Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại nên Tòa án không xem xét.

Đối với yêu cầu của Nguyễn Thị T và gia đình yêu cầu Phạm Thị M phải bồi thường thiệt hại cho Nguyễn Thị T 212.000.000 đồng. Tại phiên tòa vợ chồng ông Hòa, bà Sáng không có yêu cầu cụ thể, chỉ đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật và hiện tại Nguyễn Thị T đã đủ năng lực Hnh vi dân sự đã tự nguyện rút không yêu cầu bị cáo M bồi thường thiệt hại cho mình, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với số tiền thu lợi bất chính:

Bị cáo Nguyễn Thị T, có Hnh vi bán chị Tr, chị Tr, nhưng số tiền thu lợi do gia đình nH chồng Trung Quốc quản lý, bị cáo không được hưởng lợi nên không truy thu số tiền này đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Thị M ngoài số tiền thỏa thuận bồi thường cho các bị hại, thì bị cáo còn thu lợi bất chính khoản tiền 295.200.000 đồng cần truy thu sung quỹ nH nước.

Đối với các khoản tiền các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T đã gửi về cho các gia đình của các người bị hại, các gia đình đã sử dụng vào việc tìm kiếm con nên không truy thu.

[8] Về vật chứng: Tịch thu sung công quỹ NH nước 01 (Một) điện thoại Iphone 6S màu vàng hồng, thu của Nguyễn Thị T là công cụ phạm tội.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội “Mua bán người” và “Mua bán

trẻ em”; bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Mua bán người”

Áp dụng điểm đ, e khoản 2 Điều 119; điểm d, e khoản 2 Điều 120; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Phạm Thị M 05 (Năm) năm tù về tội “Mua bán người”; 10 (Mười) năm tù về tội “Mua bán trẻ em”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội danh là 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/12/2019.

Áp dụng điểm d, đ, e, khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 08 (Tám) năm tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam bị cáo ngày 29/11/2019.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T.

2. Về dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường giữa người đại diện theo ủy quyền của các người bị hại và các bị cáo, các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các người bị hại, cụ thể:

2.1. Bị cáo Phạm Thị M phải bồi thường cho chị Võ Thị Thanh M số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng).

2.2. Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho chị Hoàng Thị Tr số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng); Kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Tr 15.000.000 đồng

2.3. Bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T phải bồi thường thiệt hại cho Chị Hoàng Thị Tr số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng). Kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Tr 15.000.000 đồng.

3. Về số tiền thu lợi bất chính: Truy thu số tiền 259.200.000 (Hai trăm năm mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng) tiền thu lợi bất chính của bị cáo Phạm Thị M nạp vào ngân sách NH nước.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách NH nước 01 (Một) điện thoại Iphone 6S màu vàng hồng, số IMEI: 354969071309148 thu của Nguyễn Thị T. Đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Cục thi Hình án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

5.1. Buộc các bị cáo Phạm Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ

thẩm và 4.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Thị M và Nguyễn Thị T, **người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt**, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại H Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại H Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại H Nội;
- VKSND cấp cao tại H Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- Cục THA tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND C;
- UBND C;
- Các bị cáo; bị hại và đại diện bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Phần